TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 222/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 229/2026/TLST-VHNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh ngày 17/3/1984; Số CCCD: 034084018958; thường trú: Tổ 6, khu phố L, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị Th, sinh ngày 18/9/1990; Số CCCD: 034084018958; thường trú: Tổ 6, khu phố L, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Lâm Đồng (Nay là xã Y, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 03/4/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi vã nhau. Nay, ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Th xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận

tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 12/7/2010; Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 11/10/2015; Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 03/9/2021 và Nguyễn Ngọc T4, sinh ngày 10/11/2024. Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Th thoả thuận giao 04 con chung cho bà Lê Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Th không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Th thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 04 con chung tên Nguyễn Văn T1, sinh ngày 12/7/2010; Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 11/10/2015; Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 03/9/2021 và Nguyễn Ngọc T4, sinh ngày 10/11/2024 cho bà Lê Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Th không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037812 ngày 15/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND Y, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Đậu Thị Loan